

THÔNG BÁO TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2019

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-ĐHQG ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP HCM ban hành “Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ”;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-ĐHQG ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP HCM về việc sửa đổi bổ sung Điều 3 của “Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ” ban hành kèm theo Quyết định số 83/QĐ-ĐHQG ngày 19 tháng 02 năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-XHNV-SĐH ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường ĐH KHXH&NV về việc ban hành “Quy định tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ”;

Căn cứ kế hoạch tuyển sinh sau đại học năm 2019 của Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh;

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh thông báo về việc tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2019 như sau:

I. CÁC NGÀNH TUYỂN SINH

Số TT	Các ngành tuyển sinh	Chỉ tiêu	Các môn thi tuyển trình độ Thạc sĩ			Hình thức thi tuyển	Ghi chú
			Ngoại ngữ (NN)	Cơ bản (CB)	Cơ sở (CS)		
1.	Châu Á học	25	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Triết học	Lịch sử văn minh Phương Đông	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	
2.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	10	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Triết chuyên ngành	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
3.	Công tác xã hội	25	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Công tác xã hội đại cương	Các Phương pháp công tác xã hội	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
4.	Dân tộc học	5	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Triết học	Phương pháp luận sử học	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
5.	Đô thị học	10	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Môi trường và phát triển	Đô thị học đại cương	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
6.	Địa lý học	10	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Môi trường học cơ bản	Cơ sở địa lý nhân văn	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: trắc nghiệm Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
7.	Hán Nôm	5	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Triết học	Hán văn (Cổ văn)	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
8.	Khảo cổ học	5	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Lịch sử Việt Nam	Phương pháp luận sử học	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
9.	Khoa học thư viện	15	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Triết học	Thông tin học đại cương	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
10.	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	20	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Lịch sử Việt Nam	Phương pháp luận sử học	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
11.	Lịch sử thế giới	5	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Lịch sử Việt Nam	Phương pháp luận sử học	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
12.	Lịch sử Việt Nam	20	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Lịch sử Việt Nam	Phương pháp luận sử học	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
13.	Lưu trữ học	20	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Công tác văn thư	Lý luận và phương pháp công tác lưu trữ	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính

14.	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	60	Pháp, Nga, Đức, Trung	Language Proficiency (Năng lực ngôn ngữ)	TESOL Methodology (Phương pháp dạy học tiếng Anh)	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: trắc nghiệm + tự luận	
15.	Lý luận văn học	10	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Triết học	Lý luận văn học	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
16.	Ngôn ngữ học	30	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Ngôn ngữ học đại cương	Cơ sở Việt ngữ học	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	
17.	Ngôn ngữ Nga	5	Anh, Pháp, Đức, Trung	Triết học	Tiếng Nga hiện đại	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	
18.	Ngôn ngữ Pháp	10	Anh, Nga, Đức, Trung	Dẫn luận ngôn ngữ học	Tiếng Pháp cơ sở- Kỹ năng thực hành đọc, viết tiếng Pháp	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: trắc nghiệm + tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
19.	Nhân học	10	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Triết học	Nhân học đại cương	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
20.	Quan hệ quốc tế	40	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Lịch sử quan hệ quốc tế	Chính sách đối ngoại Việt Nam	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
21.	Quản lý giáo dục	40	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Giáo dục học	Khoa học quản lý giáo dục	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
22.	Quản lý tài nguyên và môi trường	10	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Môi trường học cơ bản	Cơ sở địa lý tự nhiên	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: trắc nghiệm Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
23.	Triết học	35	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Triết chuyên ngành	Lịch sử Triết học	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
24.	Văn hóa học	35	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Triết học	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
25.	Văn học nước ngoài	10	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Triết học	Lý luận văn học	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
26.	Văn học Việt Nam	10	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Triết học	Lý luận văn học	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
27.	Việt Nam học	30	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Triết học	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
28.	Xã hội học	40	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung	Đại cương ngành Xã hội học	Phương pháp nghiên cứu Xã hội học	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính

* Chỉ tiêu theo từng ngành có thể thay đổi tùy theo số lượng thí sinh đăng ký dự tuyển.

II. NGÀY THI : 18 và 19 tháng 5 năm 2019.

III. THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ TUYỂN SINH: 01 tháng sau ngày thi.

IV. THỜI GIAN ĐÀO TẠO : 02 năm, khai giảng vào tháng 9 năm 2019.

V. CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG/CHUYỂN ĐỔI KIẾN THỨC

- Bổ sung kiến thức dành cho ngành gần: tối thiểu 10 TC;
- Chuyển đổi kiến thức dành cho ngành khác thuộc lĩnh vực Khoa học xã hội và Nhân văn: tối thiểu 15 TC;
- Chuyển đổi kiến thức dành cho ngành khác không thuộc lĩnh vực Khoa học xã hội và Nhân văn: tối thiểu 20 TC;
- Người tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành đăng ký dự tuyển phải học bổ sung kiến thức, người tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển phải học chuyển đổi kiến thức theo quy định.

* **Danh mục ngành đúng – phù hợp, ngành gần và ngành khác:** [xem tại đây](#) hoặc vào website Phòng Sau đại học/Tuyển sinh/Thông báo tuyển sinh.

VI. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VÀ THI TUYỂN

1. Điều kiện xét tuyển

- Người nước ngoài;

- Người tốt nghiệp đại học các chương trình chất lượng cao PFIEV;
- Người tốt nghiệp các chương trình đã được kiểm định ABET còn trong thời gian hiệu lực;
- Người tốt nghiệp chương trình kỹ sư, cử nhân tài năng của ĐHQG;
- Người tốt nghiệp đại học chính quy từ các chương trình đào tạo đã được công nhận kiểm định quốc tế hoặc khu vực được ĐHQG-HCM công nhận còn trong thời gian hiệu lực, có điểm trung bình tích lũy từ 7,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10); Người tốt nghiệp đại học chính quy, văn bằng 2 từ các cơ sở đào tạo đã được công nhận kiểm định quốc tế hoặc khu vực được ĐHQG-HCM công nhận còn trong thời gian hiệu lực, có điểm trung bình tích lũy từ 7,5 điểm trở lên (theo thang điểm 10); Người tốt nghiệp chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam, có điểm trung bình tích lũy từ 7,5 điểm trở lên (theo thang điểm 10); Người tốt nghiệp chính quy, văn bằng 2 chính quy loại giỏi, có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10). Thời gian xét tuyển các trường hợp trên (trừ người nước ngoài) là 12 tháng tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển;

- Các chương trình đặc biệt theo Đề án được Giám đốc ĐHQG-HCM phê duyệt.

2. Điều kiện thi tuyển: các đối tượng không thuộc diện xét tuyển tại Mục 1.

* Người có văn bằng và bằng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm văn bản công nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục. Thông tin về đăng ký văn bằng do nước ngoài cấp xem tại đường link: <https://cnvb.wordpress.com/>

VII. ĐIỀU KIỆN MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của Trường ĐH KHXH&NV thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng, có bằng tốt nghiệp các chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài là một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật.

d) Có giấy chứng nhận điểm ngoại ngữ đạt từ 50 điểm trở lên trong kỳ tuyển sinh sau đại học do ĐHQG-HCM tổ chức còn hiệu lực 2 năm kể từ ngày tuyển sinh môn ngoại ngữ đến ngày nộp hồ sơ;

đ) Thí sinh có chứng chỉ/chứng nhận B1, B2 của các cơ sở đào tạo: Trường ĐH Ngoại ngữ – ĐHQG Hà Nội, Trường ĐH Hà Nội, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, Trường ĐH Sư phạm TP HCM, Trung tâm SEAMEO RETRAC, Trường ĐH Ngoại ngữ – ĐH Đà Nẵng, Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế, Trường ĐH Thái Nguyên, Trường ĐH Vinh, Trường ĐH Cần Thơ.

e) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ được quy định tối thiểu cấp độ B1 trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM cho phép hoặc công nhận:

1. Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	VNU-EPT
B1	4.5	450 PBT/ITP 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	201

2. Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
---------------	-----------	------------	-----------	-------------	------------

B1	TRKI 1	DELTA B1 TCF niveau B1	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N3
----	--------	---------------------------	----------	-----------------	---------

VIII. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

1. Đối tượng ưu tiên:

- Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con liệt sĩ; anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động; người dân tộc thiểu số;
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Mức ưu tiên: Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Mục 1 (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn Ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định và cộng một điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi (Cơ bản hoặc Cơ sở). Nguyên tắc ưu tiên như sau: Khi 01 môn thi có điểm <5.0 và 01 môn thi ≥ 5.0 thì cộng 1.0 điểm cho môn thi có điểm dưới trung bình. Các trường hợp còn lại thì cộng 1.0 điểm vào môn Cơ sở.

IX. PHÁT HỒ SƠ, BỔ SUNG – CHUYỂN ĐỔI KIẾN THỨC, ÔN TẬP CHUẨN BỊ THI TUYỂN

1. Phát và nhận hồ sơ dự tuyển: từ ngày 24/01/2019 đến hết ngày 15/4/2019.

Thí sinh có thể tải hồ sơ thi tuyển cao học [tại đây](#), hồ sơ xét tuyển [tại đây](#) hoặc tại website phòng Sau đại học (<http://sdh.hcmussh.edu.vn>) trong mục Tuyển sinh -> Biểu mẫu tuyển sinh.

2. Các lớp bổ sung, chuyển đổi kiến thức: dành cho thí sinh tốt nghiệp ngành gần, ngành khác (*Chỉ mở lớp khi có đủ số lượng thí sinh đăng kí. Những thí sinh thuộc diện bổ sung, chuyển đổi kiến thức nên đăng kí sớm*).

- Thời gian đăng ký : 30/01/2019 – 15/3/2019
- Thời gian học : 15/3/2019 – 26/4/2019

3. Các lớp ôn tập tổ chức từ 01/4/2019 đến 17/5/2019: Thí sinh vui lòng xem thời khoá biểu ôn tập [tại đây](#) hoặc liên hệ với Trung tâm Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực của Trường ĐH KHXH&NV để đăng ký ôn tập:

- Địa chỉ: số 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q.1, TP. HCM
- Điện thoại: (028) 38 232 748
- Website: www.luyenthidaihocxhvn.edu.vn

• Lưu ý:

- Thí sinh không được rút hồ sơ sau khi đã nộp;
- Thí sinh không được hoàn tiền ôn tập, bổ sung, chuyển đổi kiến thức sau khi có thông báo mở lớp.

X. LỆ PHÍ – HỌC PHÍ

1. Lệ phí hồ sơ : 50.000 đ
2. Lệ phí đăng ký thi : 100.000 đ
3. Lệ phí thi/xét tuyển (nộp cùng với nộp hồ sơ dự thi): 200.000 đ/môn
4. Học phí bổ sung, chuyển đổi kiến thức : 403.000 đ/01 tín chỉ.

* Mọi chi tiết xin liên hệ:

Phòng Sau Đại học, Trường Đại học KHXH&NV – ĐHQG-HCM.
Phòng B.109, số 10 – 12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.3910.0221 - 121; Email: saudaihoc@hcmussh.edu.vn
Website: <http://sdh.hcmussh.edu.vn>

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Thí sinh dự tuyển;
- Lưu: SDH, HC-TH.

(đã ký)

PGS.TS. Ngô Thị Phương Lan